

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09/7/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:                   ông Trần Văn Nghi

Ông Vũ Xuân Dự

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:** ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2024 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-DS** ngày 20/6/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT: xóm E, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ hiện nay: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình “có mặt”.

**- Bị đơn:** anh Vũ Văn H, sinh năm 1987; địa chỉ: xóm E, xã K, huyện K, Ninh Bình “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2024, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị (Nguyễn Thị M) kết hôn với anh Vũ Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/2009 tại UBND xã K, huyện K. Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm E, xã K, huyện K. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, anh H thường xuyên uống rượu say rồi về nhà chửi bới, đánh đập chị. Do không thể tiếp tục chung sống được với anh H, cuối năm 2019 chị M đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xóm M, xã K, huyện K để ở và

vợ chồng chính thức sống ly thân nhau cho đến nay. Chị **M** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **M** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Vũ Văn H**.

Về con chung: chị **M** xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu **Vũ Nguyễn Ngọc D**, sinh ngày 23/9/2010 và cháu **Vũ Nguyễn Hoàng Y**, sinh ngày 08/01/2015. Hiện nay các cháu đang ở với chị **M** tại xóm M, xã K, huyện K, tỉnh **Ninh Bình**. Khi ly hôn chị **M** có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị **M** không yêu cầu anh **H** phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Trường hợp không được nuôi cả 02 cháu thì chị xin được nuôi dưỡng cháu **Vũ Nguyễn Hoàng Y**, đề nghị anh **H** trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Vũ Nguyễn Ngọc D**, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và nợ chung: chị **M** xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn trong vụ án là anh Vũ Văn H, nơi cư trú tại xóm E, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án; giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh **H**. Anh **H** đề nghị giao các văn bản của Tòa án cho bố, mẹ anh là ông **Vũ Văn Đ**, bà **Nguyễn Thị D1** nhận thay, vì anh bận công việc không có thời gian để nhận, anh **H** đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn, anh không có ý kiến gì vì anh là người theo đạo thiên chúa.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2024 đối với cháu Vũ Nguyễn Ngọc D và cháu Vũ Nguyễn Hoàng Y:** Ý kiến cháu **D** muốn được ở với anh **H**, còn cháu **Y** có nguyện vọng xin được ở với chị **M**.

**Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, ông Nguyễn Văn T** - Trưởng xóm E, xã K, huyện K cung cấp: anh **Vũ Văn H** và chị **Nguyễn Thị M** đều là người địa phương, kết hôn vào tháng 12/2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình nhà anh **H** tại xóm E, xã K. Quá trình chung sống, thì cơ sở từ xóm, đến xã đều biết vợ chồng anh **H**, chị **M** sống không hạnh phúc, thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính với người khác, vợ chồng anh **H** và chị **M** đã sống ly thân khoảng 5 đến 6 năm nay, chị **M** về nhà bố mẹ đẻ tại xóm M, xã K. Về con chung, anh **H**, chị **M** có 02 con chung là cháu **Vũ Nguyễn Ngọc D**, sinh tháng 9/2010 và cháu **Vũ Nguyễn Hoàng Y**, sinh

tháng 01/2015. Hiện cả 02 cháu đều đang ở cùng với chị **M** từ khi vợ chồng sống ly thân. Về công việc thì cả anh **H**, chị **M** đều là lao động tự do nên thu nhập của anh chị ấy như nào ông **T** không biết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với ông **Vũ Văn Đ** - bố đẻ anh **H**, ông **Đ** cung cấp: con trai ông là **Vũ Văn H** có kết hôn với chị **Nguyễn Thị M** vào năm 2009 tại **UBND xã K**. Sau khi cưới, cả anh **H**, chị **M** đều sinh sống cùng vợ chồng ông tại **xóm E, xã K**. Trong thời gian chung sống anh **H**, chị **M** có xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, do rất nhiều nguyên nhân. Chị **M** về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai; còn anh **H** vẫn ở cùng gia đình nhà ông, bà. Về con chung, anh **H**, chị **M** có 02 con chung là cháu **Vũ Nguyễn Ngọc D**, sinh tháng 9/2010 và cháu **Vũ Nguyễn Hoàng Y**, sinh tháng 01/2015. Từ khi ly thân các cháu đều ở với chị **M**, nhưng thỉnh thoảng có về chơi với bố và ông bà. Về công việc thì cả anh **H**, chị **M** đều là lao động tự do nên thu nhập của anh chị ấy như nào ông **Đ** không biết. Ông **Đ** còn cung cấp, sau khi anh **H** nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, anh **H** có sang nhà bà **H1** (mẹ đẻ chị **M**) để gặp chị **M** nói chuyện với nhau về tình cảm vợ chồng, vì gia đình ông theo đạo Thiên chúa nên không được phép ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị **Nguyễn Thị M** ly hôn anh **Vũ Văn H**. Giao con chung là cháu **Vũ Nguyễn Ngọc D**, sinh ngày 23/9/2010 cho anh **Vũ Văn H** trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu **Vũ Nguyễn Hoàng Y**, sinh ngày 08/01/2015 cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **M**, anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; các bên có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị **M** phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh **Vũ Văn H**, sinh năm

1987; địa chỉ: xóm E, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn xin không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Vũ Văn H, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh H. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 20/6/2024 anh Vũ Văn H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 09/7/2024, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh Vũ Văn H vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ Văn H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2009 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh H và chị M không thực hiện đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng, anh H thường xuyên uống rượu rồi về chửi bới, đánh đập chị M, hiện chị M, anh H đã sống ly thân được gần 05 năm, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh H đang có mặt tại nơi cư trú xóm E, xã K và anh H đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị M với anh, nhưng anh H không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị M. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhà anh H làm việc, anh H không hợp tác và có ý kiến việc chị M xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, vì anh đi theo đạo Thiên chúa nên không được phép ly hôn. Như vậy, giữa anh H và chị M không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, anh H không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ

mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Vũ Văn H là có căn cứ.

[3] Về con chung: chị M, anh H có 02 con chung là cháu Vũ Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 23/9/2010 và cháu Vũ Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 08/01/2015. Hiện nay cháu đang ở với chị M tại xóm M, xã K, huyện K từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị M có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, trường hợp không được nuôi cả 02 cháu thì chị xin được trực tiếp nuôi cháu Y, đề nghị anh H nuôi cháu D. Anh H không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị M và anh H đều lao động tự do, thu nhập không ổn định. Việc chị M xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung là không đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho con chung khi cha mẹ ly hôn. Do đó cần giao mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung là giảm bớt gánh nặng cho chị M và cũng đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con chung của chị M, anh H. Vì vậy cần giao cháu Vũ Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 23/9/2010 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi; giao cháu cháu Vũ Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 08/01/2015 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi và không buộc các bên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung khi cha mẹ ly hôn.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh H không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Văn H.

**2. Về nuôi con chung:** giao cháu cháu Vũ Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 08/01/2015 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi; giao cháu Vũ Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 23/9/2010 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Chị M, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**3. Về án phí:** chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002189 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị M đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

**Hoàng Ngọc Hưng**